

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2019

“V/v không công nhận là vợ
chồng giữa chị H với
anh B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bể

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27-6-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 30-5-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1974, (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ nơi ở: Thôn K, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ nơi ở: Thôn V, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn B không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/1991. Sau khi tổ chức cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh B có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, chị có khuyến bảo anh B nhiều lần nhưng anh B không nghe còn đánh đập chị. Đến đầu năm 2015 anh B đã bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh B không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân (TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Chị và anh B có 02 con chung là Phạm Thị Thu, sinh ngày 08-03-1993 (đã chết năm 2018) và Phạm Thị H, sinh ngày 18-6-2001, đến nay cháu Hoài đã trưởng thành nên không phải nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị và anh B tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn là chị H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B không đến Tòa án để trình bày ý kiến của anh về việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh B vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh B.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Phạm Văn B là vợ chồng. Chị H và anh B có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 18-6-2001, đến nay cháu Hoài đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Phạm Văn B. Anh B cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B, đồng thời triệu tập hợp lệ đối với anh B đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Vì lý do

trên Tòa án không lấy được lời khai của anh B về vụ án, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Theo xác minh tại UBND xã Tây Đô thì chị Trần Thị H và anh Phạm Văn B chung sống với nhau không đăng ký kết hôn (phù hợp với lời trình bày của chị H). Như vậy chị Trần Thị H và anh Phạm Văn B không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh B, xét thấy cần xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Phạm Văn B là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh B có 02 con chung là Phạm Thị Thu, sinh ngày 08-03-1993 và Phạm Thị H, sinh ngày 18-6-2001, tuy nhiên cháu Thu đã chết vào năm 2018, cháu Hoài đến nay đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

[6] *Về chia tài sản*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không trình bày ý kiến của anh với Tòa án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Phạm Văn B là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Chị H và anh B có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 18-6-2001, đến nay cháu Hoài đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. *Về chia tài sản*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005354 ngày 22-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã Tây Đô;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà